TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/DS-ST
Ngày: 25/03/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Hải

Bà Vương Thị Liên

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại Toà án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 135/2025/TLST- DS, ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST-DS ngày 05/3/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Sỹ T, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2025, lời khai và trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Trương Sỹ T trình bày:

Xuất phát từ nhu cầu làm nhà gỗ, được bạn bè giới thiệu nên ông Trương Sỹ T có thuê ông Nguyễn Văn C thi công làm phần mộc (toàn bộ phần gỗ) của ngôi nhà. Ngày 24/7/2022, ông T và ông C ký kết hợp đồng thi công nhà gỗ, theo thỏa thuận trong hợp đồng, giá khoán thi công toàn bộ công trình tính theo mét khối cô măng là 13.000.000 đồng/1 khối, tổng công phần mộc toàn công trình là 400.000.000 đồng, gồm hoàn thiện phần mộc năm gian nhà hai vì buồng gác thông (không bao sơn) theo thiết kế của ông T, chi tiết công việc được mô tả cụ thể trong hợp đồng. Theo hợp đồng, ông T sẽ cho ông C được ứng số tiền 150.000.000 đồng khi bắt đầu thi công. Tuy nhiên, ngày 12/8/2022, ông C bắt đầu

đưa thợ đến làm nhưng do không có thợ nên chỉ có ông C và 1 thợ phụ, lại làm có nửa buổi rồi về nên ông T và ông C thỏa thuận với nhau không ứng tiền theo hợp đồng mà làm đến đâu sẽ ứng đến đó. Ông T cho ông C ứng 50.000.000 đồng. Sau đó, ông C lại tiếp tục ứng của ông T số tiền 32.000.000 đồng. Tổng số tiền ông C đã ứng của ông T là 82.000.000đ (Tám mươi hai triệu đồng).

Trước khi ký kết hợp đồng, ông T và ông C có thỏa thuận ông C sẽ lấy thợ Hoằng Tiến, nhưng ông C không lấy được thợ nên mỗi ngày chỉ đưa được 1, 2 người thợ (không phải thợ Hoằng Tiến) còn là người ở đâu thì ông T không rõ, thợ làm được nửa buổi lại nghỉ. Ông C mới làm được phần thô của 10 cây cột và một vài cái sà nhà, tổng đã thực hiện được 27,5 công thợ. Sau đó ông C đưa thợ đi làm nơi khác, không báo lại với ông T, ông T yêu cầu ông C đến tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký thì ông C khất lần và không đưa thợ đến. Ông T đợi mãi không thấy ông C đưa thợ đến làm, nên mấy tháng sau phải thuê thợ nơi khác hoàn thiện công trình. Theo ông T, nếu để hoàn thiện toàn bộ phần mộc của công trình, cần phải thực hiện khoảng 700 công thợ, ông C làm tổng là 27,5 công thợ, tương ứng khoảng 2% công việc theo hợp đồng, giá công thợ tại thời điểm thi công là 330.000 đồng/công. Khi ông C dừng không tiếp tục thực hiện hợp đồng thì không báo với ông T, cũng không được sự đồng ý của ông T, giữa hai bên cũng không có thỏa thuận gì về việc chấm dứt hay dừng hợp đồng. Sau khi ông C tự ý dừng thi công, ông T đã nhiều lần nhắn, gọi điện để ông C thanh toán công thợ, trả lại tiền đã ứng thừa, nhưng ông C không đến, xuống nhà thì ông C tránh mặt không gặp. Ông T có báo cáo Công an, nhưng vì là vấn đề dân sự nên ông C vẫn cố tình không đến làm việc.

Tại đơn khởi kiện và quá trình chuẩn bị xét xử, ông T cho rằng việc ông C cố tình tự ý dừng thi công là vi phạm hợp đồng nên ông C phải chịu trách nhiệm về lỗi vi phạm của mình. Ông T yêu cầu Tòa án buộc ông C phải trả lại cho ông T toàn bộ số tiền đã ứng là 82.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông T xác định, tuy ông C vi phạm hợp đồng nhưng việc ông C đã đưa thợ đến làm là thực tế và đã làm được 27,5 công, theo giá công thợ tại thời điểm thi công tương ứng số tiền là 27,5 x 330.000 đồng = 9.075.000 đồng. Ông T đồng ý trừ cho ông C 10.000.000 đồng, số tiền còn lại là 72.000.000 đồng, ông T yêu cầu Tòa án buộc ông C phải trả lại cho ông T.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ngày 24/7/2022, ông Nguyễn Văn C có ký hợp đồng thi công nhà gỗ cho ông Trương Sỹ T, ông C là người thi công. Hai bên thỏa thuận, toàn bộ tiền công thi công công trình là 400.000.000 đồng, khi bắt đầu thi công thì ông C được ứng số tiền 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế ông C mới ứng 82.000.000 đồng, ứng nhiều lần, lý do là ông T không có tiền. Sau khi ký hợp đồng, ông C có đưa thợ đến để tái

chế xong toàn bộ vật liệu gỗ của công trình gồm bào, xẻ ván, nối gỗ. Tổng thời gian thực tế thi công, ông C có ghi chép và cam đoan sẽ cung cấp cho Tòa án sau.

Vì lý do ông T không có tiền và yêu cầu ông C cứ làm xong công trình thì mới thanh toán tiền công, không thực hiện theo cam kết ban đầu nên hai bên thống nhất dừng hợp đồng, hai bên cũng không trao đổi thêm gì khác cũng như không quyết toán số tiền công thợ, tiền ông C đã ứng. Sau đó một thời gian ngắn, ông T có gặp và yêu cầu ông C đến tiếp tục thi công nhưng do hai bên đã thống nhất dừng hợp đồng nên ông C từ chối, không thi công nữa. Ông C xác định do hai bên đã chấm dứt hợp đồng thi công nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thanh Hóa trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn – ông Nguyễn Văn C phải trả cho ông Trương Sỹ T toàn bộ số tiền đã tạm ứng sau khi trừ đi tiền công đã thực hiện là 72.000.000 đồng. Khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông C không trả hết tiền cho ông T, ông T có đơn yêu cầu thi hành án, ông C còn phải chịu lãi theo quy định của pháp luật. Về án phí: Mặc dù ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi, nhưng không có đơn xin miễn án phí nên đề nghị buộc ông C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trương Sỹ T và ông Nguyễn Văn C có ký với nhau hợp đồng thi công nhà gỗ, ông C đã ứng một phần tiền công nhưng không thực hiện đầy đủ công việc được giao khoán nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C phải trả lại số tiền đã ứng, đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng thi công", bị đơn là ông Nguyễn Văn C có địa chỉ tại xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt, không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã phối hợp cùng Công an xã Hoằng Lộc tỉnh Thanh Hóa để làm việc trực tiếp với ông C, sau đó ông C lại tiếp tục vắng mặt không tham gia quá trình tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa ngày 19/3/2026, bị đơn vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa và tống đạt ngay Quyết định hoãn phiên tòa tới bị đơn. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Về việc thu thập tài liệu, chứng cứ: Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/02/2026, ông Nguyễn Văn C cam đoan sẽ cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến thời gian thi công, thực hiện hợp đồng thi công nhà gỗ cho ông T, nhưng ông C đã không thực hiện. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu ông C cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án theo quy định, nhưng ông C không cung cấp.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án, cả ông T và ông C đều không cung cấp cho Tòa án thời gian chính xác ông C dừng thực hiện công việc được giao (dừng thực hiện hợp đồng thi công), ông C cũng không có yêu cầu về việc áp dụng thời hiệu nên Tòa án không xem xét, áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án này là đúng theo quy định.

[2] Về Nội dung tranh chấp:

Ông Nguyễn Văn C nhận thi công làm nhà gỗ cho ông T và đã tạm ứng tổng số tiền là 82.000.000 đồng. Ông C đã thực hiện được một phần công việc, tương ứng số tiền công ông T đồng ý trả là 10.000.000 đồng, sau đó không tiếp tục thực hiện công việc nữa nên ông T yêu cầu ông C phải trả lại số tiền đã tạm ứng còn lại là 72.000.000 đồng.

Việc thi công nhà gỗ được ông T và ông C lập thành hợp đồng cụ thể, trong đó ghi rõ tổng số tiền công khoán, số tiền được tạm ứng mỗi đợt. Tuy nhiên, khi tiến hành thi công, ông T chỉ cho ông C ứng lần thứ nhất 50.000.000 đồng, lần sau là 32.000.000 đồng, ông C cũng đồng ý với số tiền ông T cho ứng không đúng theo hợp đồng hai bên đã ký kết và ông C cũng đã thực hiện thi công một phần công trình. Như vậy, bên cạnh Hợp đồng chính thức hai bên đã ký kết, hai bên đã đạt được thỏa thuận kèm theo nên việc ông T cho ông C ứng tiền không theo thỏa thuận đã ký trong hợp đồng thi công nhà gỗ ngày 24/7/2022 là không vi phạm hợp đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng, ông C đã thực hiện được một phần công việc, ông T cho rằng ông C đã thực hiện được 27,5 công thợ, giá công thợ tại thời điểm thi công là 330.000 đồng/công; ông C không cung cấp cho Tòa án bất kỳ tài liệu chứng cứ nào liên

quan đến việc thực hiện công việc được giao khoán, cũng không cung cấp cho Tòa án thông tin về số công thợ đã thực hiện, cụ thể phần công việc đã thực hiện. Lời trình bày của ông T về số công đã thực hiện là có lợi cho ông C nên là chứng cứ hợp pháp để xem xét, giải quyết trong vụ án.

Việc ông C dừng thực hiện công việc thi công nhà gỗ cho ông T không có văn bản hay tài liệu chứng cứ nào chứng minh là được sự thống nhất của cả hai bên. Ông C cũng thừa nhận hai bên chưa thanh toán số tiền công thợ, số tiền ông C đã ứng và thừa nhận việc ông T có yêu cầu ông C đến để tiếp tục thi công nhà gỗ nhưng ông C từ chối. Như vậy, có cơ sở xác định việc tự ý dừng thực hiện công việc được giao khoán bằng hợp đồng thi công nhà gỗ của ông C là vi phạm thỏa thuận của hợp đồng. Do ông C vi phạm nên ông C phải chịu trách nhiệm về việc vi phạm của mình. Ông T không yêu cầu ông C bồi thường thiệt hại là sự tự nguyện của ông T, nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung bồi thường thiệt hại.

Ông T đồng ý trừ cho ông C số tiền công đã thực hiện là 10.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của ông T, phù hợp với quy định của pháp luật, mức công thợ mộc thực tế tại địa phương, không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận. Khối lượng công việc ông C đã thực hiện không tương xứng với số tiền đã tạm ứng từ ông T, nên số tiền đã tạm ứng thừa từ ông T, ông C đang chiếm giữ, không trả lại cho ông T là chiếm hữu không có căn cứ pháp luật. Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án buộc ông C phải trả lại số tiền đã tạm ứng còn lại là 72.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở nên cần chấp nhận.

Do ông T không có yêu cầu về lãi xuất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bị đơn mặc dù là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 513, Điều 516, Điều 517, khoản 4 Điều 519, Điều 520 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn – ông Nguyễn Văn C phải trả cho ông Trương Sỹ T số tiền đã tạm ứng để thi công nhà gỗ sau khi đã trừ đi số công đã thực hiện là 72.000.000đ *(bảy mươi hai triệu đồng)*.

Từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án xong, hàng tháng ông C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS năm 2015 trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Bị đơn – ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.600.000đ *(Ba triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND khu vực 4 – Thanh Hóa;*
- *THADS tỉnh Thanh Hóa;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Vân